TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/DS-ST
Ngày 28 – 8 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2019/QĐST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Doanh nghiệp tư nhân T. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thúy V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1968. Cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1970. Cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T (DN T) và lời trình bày của bà Đoàn Thúy V trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện*:

Trước đây giữa DNTN T và ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Nguyễn Hồng T thỏa

thuận mua bán thuốc, thức ăn tôm; theo đó, DN T đầu tư thức ăn, thuốc nuôi tôm, cuối vụ trả tiền (chu kỳ nuôi tôm khoảng 3 tháng). Do ông Đ, bà T không thực hiện nghĩa vụ nên vào ngày 01/7/2014, hai bên chấm dứt việc mua bán và đối chiếu công nợ thì ông Đ còn thiếu số tiền là 208.618.000 đồng nhưng đến nay không thanh toán. Do vậy, DN T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền 208.618.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/5/2019 là 90.748.000 đồng.

Quá trình giải quyết, bà V rút lại không yêu cầu trả khoản tiền lãi 90.748.000 đồng.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Hoàng Đ thể hiện:*

Ông thừa nhận có hợp đồng mua bán thuốc và thức ăn của DN T. Quá trình thực hiện thì doanh nghiệp đã đầu tư 03 vụ, vụ thứ nhất ông đã thanh toán xong, vụ thứ hai ông trả được 100.000.000 đồng, đến vụ thứ ba mới đầu tư bị hư nên doanh nghiệp cắt hợp đồng. Vào ngày 01/7/2014, hai bên đối chiếu công nợ thì ông còn thiếu số tiền 208.618.000 đồng. Thời gian sau đã trả cho anh Hiếu – nhân viên doanh nghiệp (không biết họ, chữ lót và địa chỉ) 70.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng đã bị thất lạc, vấn đề này được anh T – Giám đốc Doanh nghiệp thừa nhận (thông qua đoạn ghi âm).

Do chưa chứng minh được số tiền đã đưa cho anh H nên ông đồng ý trả cho doanh nghiệp số tiền 208.618.000 đồng. Khi có căn cứ việc đưa cho anh H số tiền 70.000.000 đồng thì ông và doanh nghiệp sẽ thỏa thuận về số tiền này.

Đối với số tiền lãi doanh nghiệp không yêu cầu nên ông không có ý kiến gì. Việc chưa trả số tiền trên là do điều kiện khó khăn và việc chấm dứt việc mua bán có phần lỗi của doanh nghiệp vì sau khi đối chiếu, doanh nghiệp yêu cầu cải tạo để đầu tư nuôi tiếp nhưng khi xong thì chấm dứt và không thông báo.

** Đối với bà Nguyễn Hồng T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Doanh nghiệp tư nhân T (DN T) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Nguyễn Hồng T trả số tiền còn thiếu trong hợp đồng mua bán là 208.618.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện DN T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đ, bà T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết, đại diện DN T rút lại yêu cầu ông Đ, bà T trả khoản tiền lãi. Xét thấy, việc đại diện DN T rút yêu cầu về trả tiền lãi là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết, đại diện DN T và ông Đ xác định, trước đây doanh nghiệp đã đầu tư mua bán thuốc, thức ăn tôm cho ông Đ, sau khi đối chiếu vào ngày 01/7/2014 thì ông Đ thiếu số tiền là 208.618.000 đồng, bà T không có ý kiến phản đối về vấn đề này; nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nguyên nhân chưa trả số tiền trên, theo ông Đ cho rằng: Sau khi đối chiếu công nợ, doanh nghiệp yêu cầu cải tạo ao đầm để tiếp tục đầu tư nhưng khi ông cải tạo xong thì doanh nghiệp lại chấm dứt hợp đồng nên có phần lỗi của doanh nghiệp, phần nữa là do điều kiện hiện nay ông đang gặp khó khăn.

Xét trình bày của ông Đ thấy rằng: Giữa DN T và ông Đ thỏa thuận mua bán thuốc, thức ăn tôm cũng như về thời gian và phương thức thanh toán. Các thỏa thuận này phù hợp với các điều 428, 431, 432 và 434 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ còn thiếu lại số tiền là 208.618.000 đồng nên ông Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Xét về nghĩa vụ thanh toán: Do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ và bà T nên bà T cùng có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ đối với các giao dịch do ông Đ thực hiện theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, DN T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Đối với số tiền 70.000.000 đồng: Ông Đ xác định đã đưa cho người tên H là nhân viên của DN T nhưng chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông Đ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ, bà T phải chịu là 208.618.000 đồng x 5%= 10.430.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 428, 431, 432, 434 và 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 27, 30 và

37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nhiệp T. Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Nguyễn Hồng T trả cho Doanh nhiệp T số tiền 208.618.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Doanh nghiệp T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông Đ, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của Doanh nghiệp T về yêu cầu ông Đ và bà T trả số tiền lãi là 90.748.000 đồng (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Doanh nghiệp T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đ, bà T phải chịu 10.430.900 đồng (mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm đồng) (chưa nộp).

- Doanh nghiệp T không phải chịu. Hoàn trả lại cho Doanh nghiệp T số tiền 7.484.000 đồng (bảy triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009499 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chị cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn